ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BẢN TIN TUẦN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

(Từ ngày 13/02/2023 đến ngày 19/02/2023)

1. Bản đồ vị trí các điểm quan trắc không khí

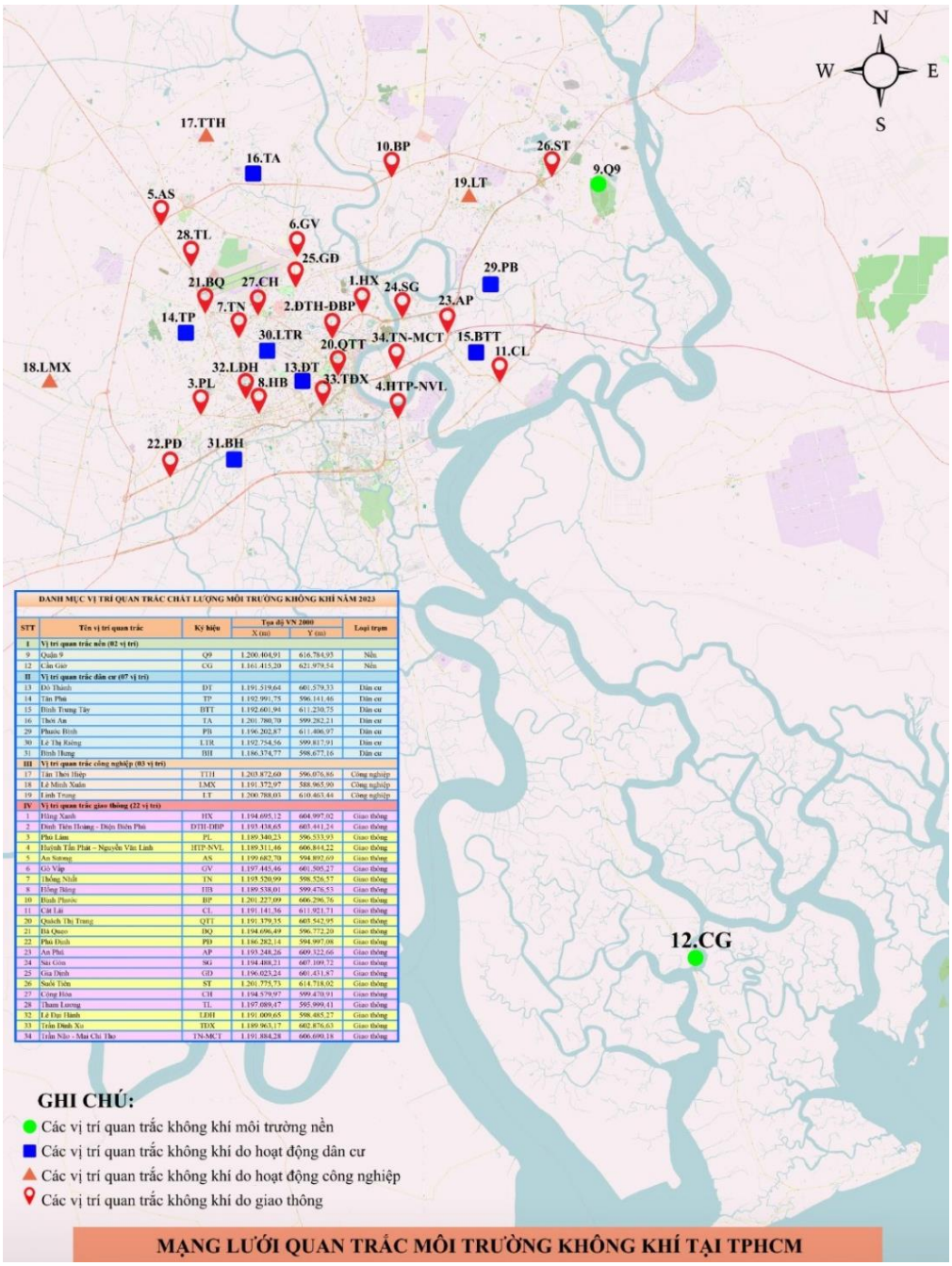

DANH MỤC VỊ TRÍ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ NĂM 2023

STT	Tên vị trí quan trắc	Ký hiệu	Tọa độ VN 2000		Loại trạm
			X (m)	Y (m)	
I	**Vị trí quan trắc nền (02 vị trí)**				
9	Quận 9	Q9	1.200.404,91	616.784,93	Nền
12	Cần Giờ	CG	1.161.415,20	621.979,54	Nền
II	**Vị trí quan trắc dân cư (07 vị trí)**				
13	Đô Thành	ĐT	1.191.519,64	601.579,33	Dân cư
14	Tân Phú	TP	1.192.991,75	596.141,46	Dân cư
15	Bình Tương Tây	BTT	1.192.601,94	611.230,75	Dân cư
16	Thới An	TA	1.201.780,78	599.282,21	Dân cư
29	Phước Bình	PB	1.196.202,87	611.406,97	Dân cư
30	Lê Thị Riêng	LTR	1.192.754,56	599.817,91	Dân cư
31	Bình Hưng	BH	1.186.374,77	598.677,16	Dân cư
III	**Vị trí quan trắc công nghiệp (03 vị trí)**				
17	Tân Thới Hiệp	TTH	1.203.872,60	596.076,86	Công nghiệp
18	Lý Minh Xuân	LMX	1.191.372,97	588.965,90	Công nghiệp
19	Linh Trung	LT	1.200.788,03	610.463,44	Công nghiệp
IV	**Vị trí quan trắc giao thông (22 vị trí)**				
1	Hàng Xanh	HX	1.194.695,12	604.997,02	Giao thông
2	Đinh Tiên Hoàng - Điện Biên Phủ	ĐTH-ĐBP	1.193.438,65	603.441,24	Giao thông
3	Phú Lâm	PL	1.189.340,23	596.533,93	Giao thông
4	Huỳnh Tấn Phát – Nguyễn Văn Linh	HTP-NVL	1.189.311,46	606.844,22	Giao thông
5	An Sương	AS	1.199.682,78	594.892,69	Giao thông
6	Gò Vấp	GV	1.197.445,46	601.505,27	Giao thông
7	Thống Nhất	TN	1.195.520,99	598.526,57	Giao thông
8	Hồng Bàng	HB	1.189.538,01	599.476,53	Giao thông
10	Bình Phước	BP	1.201.227,09	606.296,76	Giao thông
11	Cát Lái	CL	1.191.141,36	611.921,71	Giao thông
20	Quiếch Thị Trang	QTT	1.191.379,35	603.542,95	Giao thông
21	Bà Quẹo	BQ	1.194.696,49	596.772,20	Giao thông
22	Phú Định	PĐ	1.186.282,14	594.997,08	Giao thông
23	An Phú	AP	1.193.248,26	609.322,66	Giao thông
24	Sài Gòn	SG	1.194.488,21	607.109,72	Giao thông
25	Gia Định	GĐ	1.196.023,24	601.431,87	Giao thông
26	Suối Tiên	ST	1.201.775,73	614.718,02	Giao thông
27	Công Hòa	CH	1.194.579,97	599.470,91	Giao thông
28	Tham Lương	TL	1.197.689,47	595.999,41	Giao thông
32	Lê Đại Hành	LĐH	1.191.009,65	598.485,27	Giao thông
33	Trần Đình Xu	TĐX	1.189.963,17	602.876,63	Giao thông
34	Trần Não - Mai Chí Thọ	TN-MCT	1.191.884,28	600.690,18	Giao thông

2. Thông số quan trắc: 8 thông số bao gồm CO, NO_2, SO_2, PM_{10}, $PM_{2.5}$, TSP, Benzen, Tiếng ồn.

3. Tần suất quan trắc

- Bụi mịn (PM_{10} và $PM_{2.5}$): hàng ngày.
- Các thông số còn lại (CO, NO_2, SO_2, TSP, Benzen, Tiếng ồn): 3 lần/ngày.

4. Quy chuẩn so sánh

- QCVN 05:2013/BTNMT đối với các thông số CO, NO_2, SO_2, PM_{10}, $PM_{2.5}$, Tổng bụi lơ lửng TSP.
- QCVN 06:2009/BTNMT đối với thông số Benzen.
- QCVN 26:2010/BTNMT đối với thông số Tiếng ồn.

5. Số mẫu quan trắc

Thông số quan trắc	TSP	PM_{10}	$PM_{2.5}$	Tiếng ồn	CO	NO_2	SO_2	Benzen
Số mẫu quan trắc (mẫu)	231	22	22	231	231	231	231	231

6. Kết quả

6.1. Nhóm các thông số cơ bản (CO, NO_2, SO_2, TSP, Benzen, Tiếng ồn)

- TSP: dao động từ 100 – 440 µg/m^3 (QCVN 300 µg/m^3);
- Tiếng ồn: dao động từ 68,0 – 81,7 dBA (QCVN 26:2010/BTNMT: 70 dBA).
- CO: dao động từ 2.700– 15.700 µg/m^3 (QCVN 30.000 µg/m^3);
- NO_2: dao động từ 9 – 125 µg/m^3 (QCVN 200 µg/m^3);
- SO_2: dao động từ 10 – 86 µg/m^3 (QCVN 350 µg/m^3);
- Benzen: dao động từ KPH – 30 µg/m^3 (QCVN 22 µg/m^3);

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí từ ngày 13/02/2023 đến ngày 19/02/2023 cho thấy các chỉ tiêu quan trắc đạt Quy chuẩn Việt Nam gồm: CO, NO_2, SO_2. Các chỉ tiêu còn lại không đạt QCVN cụ thể: TSP có 14,72% giá trị quan trắc không đạt QCVN, benzen có 1,73% giá trị quan trắc không đạt

QCVN và tiếng ồn có 98,7% giá trị quan trắc không đạt QCVN do ảnh hưởng của hoạt động giao thông.

6.2. Nhóm bụi mịn: (PM_{10}, $PM_{2.5}$)

- PM_{10}: dao động từ 67 – 140 µg/m^3 (QCVN 150 µg/m^3);
- $PM_{2.5}$: dao động từ 25 – 60 µg/m^3 (QCVN 50 µg/m^3).

Số liệu quan trắc chất lượng môi trường không khí từ ngày 13/02/2023 đến ngày 19/02/2023 cho thấy nồng độ PM_{10} đạt QCVN còn nồng độ $PM_{2.5}$ có 4,55% giá trị quan trắc không đạt QCVN./.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG